

Số: 06/2022/QĐST-DS

Cầu Ngang, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2022,

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Tú H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1986.

Chị Liên Ngọc T, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về số tiền phải trả:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tú H và anh Lê Văn T, chị Liên Ngọc T tự nguyện thỏa thuận, anh Lê Văn T và chị Liên Ngọc T sẽ trả cho chị Lý Thị Ngọc H số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là 92.265.000 đồng.

- **Về thời gian trả:** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tú H và anh Lê Văn T, chị Liên Ngọc T tự nguyện thỏa thuận do Cơ quan Chi cục

Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

+ Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**- Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Lê Văn T và chị Liên Ngọc T tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm 2.306.625 đồng. Tuy nhiên tại phiên hòa giải anh T, chị T có làm đơn xin giảm án phí, lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn và được UBND xã M xác nhận là sự thật. Căn cứ Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Thẩm phán chấp nhận giảm 50% số tiền án phí mà anh Lê Văn T, chị Liên Ngọc T có nghĩa vụ nộp tương ứng với số tiền 576.656 đồng. Phần án phí anh Lê Văn T, chị Liên Ngọc T nộp thay cho chị Lý Thị Ngọc H không được miễn, giảm. Số tiền án phí còn lại 1.729.969 đồng Lê Văn T, chị Liên Ngọc T tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

+ Chị Lý Thị Ngọc H không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị Lý Thị Ngọc H 2.861.825 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012516 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã Ký)**

**Trần Ngọc Hùng Anh**

